



(Hình ảnh chỉ tham khảo)

I THÔNG SỐ CHUNG CỦA TÔ MÁY PHÁT		
1.1	Hãng sản xuất/Nhãn hiệu	GenParts (Được Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Văn bằng bảo hộ. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 276232)
1.2	Nhà máy sản xuất	Sản phẩm được sản xuất theo hình thức OEM trên cơ sở đơn đặt hàng, thiết kế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và thương hiệu của GenParts
1.3	Chứng chỉ quản lý chất lượng của nhà máy sản xuất	ISO9001:2015, ISO14001:2015
1.4	Mã hiệu	V33KB5
1.5	Xuất xứ tổ máy	Trung Quốc
1.6	Tình trạng	Máy phát điện mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện không biến dạng, nguồn gốc rõ ràng kèm chứng nhận chất lượng khi giao hàng
1.7	Năm sản xuất tổ máy	2025
1.8	Loại máy	Máy phát điện xoay chiều 3 pha, động cơ sử dụng nhiên liệu dầu diesel thông dụng trên thị trường Việt Nam
1.9	Điện áp định mức	220/380 V - 230/400 V, xoay chiều
1.10	Số pha, số dây	3 pha, 4 dây
1.11	Sai lệch điện áp cho phép (tải định mức)	$\leq 1\%$
1.12	Tốc độ vòng quay	1.500 vòng/phút
1.13	Tần số	50Hz
1.14	Sai lệch tần số cho phép (tải định mức)	$\leq 1\%$
1.15	Công suất liên tục (100% tải)	30,0 KVA/ 24 KW
1.16	Công suất dự phòng	33 KVA/ 26,4 KW
1.17	Hệ số công suất	$\cos\phi = 0,8$
1.18	Hệ thống khởi động	Khởi động đề điện bằng ắc quy 12V
1.19	Cơ cấu truyền động	Trực tiếp bằng khớp nối đồng trục
1.20	Kết cấu	Phần động cơ và đầu phát điện được nối ghép với nhau bằng cơ cấu khớp nối đồng trục, đảm bảo khả năng chịu chấn động cao
1.21	Máy chạy liên tục 24/24 ở 75% công suất liên tục của máy	Chỉ nghỉ 1 lần khoảng ≤ 30 phút cho mỗi 12 giờ chạy
1.22	Thời gian máy phát điện chạy liên tục ở chế độ 100% công suất liên tục của máy	≥ 12 giờ

1.23	Khả năng hoạt động quá tải 110%	Có thể hoạt động quá tải 110% trong thời gian ≥ 01 giờ/12 giờ chạy máy liên tục
1.24	Mức tiêu thụ nhiên liệu	$\leq 5,4$ lít/giờ tại (75 %) tải định mức $\leq 7,5$ lít/giờ tại (100 %) tải định mức
1.25	Độ ồn của máy khi đã đóng vỏ cách âm	≤ 68 dB (Mức độ ồn lớn nhất khi chạy > 100% tải, đo cách tâm máy 7m)
1.26	Hệ thống làm mát	Làm mát bằng nước (có pha dung dịch chống đông) kết hợp quạt gió đầu trực.
1.27	Điều kiện hoạt động, vận hành	Toàn bộ các bộ phận được nhiệt đới hóa, phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam. + Nhiệt độ môi trường: -10°C đến $+50^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm hoạt động: 80% đến 100%
1.28	Thùng chứa nhiên liệu	Gắn liền với khung bệ máy; được chế tạo chắc chắn, bằng thép đã qua xử lý hóa học để chống sự rỉ sét và tăng độ bám dính của sơn.
1.29	Dung tích thùng nhiên liệu	98 lít (Gắn trực tiếp trong máy).
1.30	Vỏ cách âm	- Bằng thép, độ dày vỏ cách âm $\geq 1.5\text{mm}$; được xử lý bề mặt bằng hoá học để chống oxy hóa và được sơn tĩnh điện, chống được tác động của khí hậu nhiệt đới và nhiệt độ cao. - Vật liệu chống ồn: Sử dụng vật liệu chống cháy, độ bền cao
1.31	Khung – đế máy	Chắc chắn, chịu lực, có độ giảm chấn, chống rung để máy vận hành êm, cân bằng, không làm ảnh hưởng đến các thiết bị, công trình xung quanh
1.32	Hệ thống chống rung	Động cơ và đầu phát được lắp trên hệ thống cao su chống rung, đảm bảo khả năng chịu tải và chấn động cao.
1.33	Kích thước (D x R x C) cả vỏ	$\leq (2000 \times 900 \times 1400)$ mm nhỏ gọn để thuận tiện lắp đặt ở các khu vực hẹp, không gian nhỏ theo kích thước các phòng máy nổ xây sẵn
1.34	Trọng lượng tịnh	≤ 1100 KG
1.35	Hệ thống thoát khí thải	Hệ thống thoát khí thải được thiết kế đảm bảo thông thoáng cho môi trường xung quanh
1.36	Nồi đất	Có đầu nối đất hoặc phương tiện khác để đấu nối dây bảo vệ hoặc dây nối đất; bảo đảm nối đất an toàn.
1.37	Khí thải	- Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT).
1.38	Ghi nhãn	Ghi nhãn đầu nối phải đảm bảo nhận biết được tất cả các đầu nối dây quản và đầu nối thiết bị phụ mà người sử dụng tiếp cận được.
1.39	Bảng thông số đặc trưng	Tất cả các máy đều phải có bảng thông số đặc trưng; Bảng thông số phải làm bằng vật liệu đủ bền, được lắp chắc chắn trên vỏ máy (hoặc in trực tiếp trên vỏ máy) và được bố trí sao cho dễ đọc; Bảng thông số gồm tối thiểu các nội dung sau: - Tên hoặc thương hiệu của nhà chế tạo; - Số seri của nhà chế tạo, hoặc nhãn nhận biết; - Công suất ra danh định; - Điện áp danh định; - Tần số danh định; - Hệ số công suất danh định; - Kích thước, khối lượng tổng của máy phát.
1.40	Tài liệu kèm theo	- Tài liệu kỹ thuật (Tiếng Anh hoặc tiếng Việt); - Tài liệu hướng dẫn vận hành (Tiếng Việt).
1.41	Vận hành	Máy được vận hành bằng phím bấm mềm trên điều khiển, không chổi than tự động kích từ, tự động điều chỉnh điện áp khi có sự thay đổi về mức tải AVR.

II	ĐỘNG CƠ DIESEL	
2.1	Nhãn hiệu động cơ	Kubota (Nhật Bản)
2.2	Xuất xứ	Nhật Bản
2.3	Năm sản xuất	2024 trở lại đây
2.4	Mã hiệu	V3300 (Ký hiệu đầy đủ V3300-BG-EU1)
2.5	Tình trạng	Mới 100% chưa qua sử dụng
2.6	Loại động cơ	Động cơ Diesel 4 kỳ
2.7	Tốc độ vòng quay	1.500 vòng/phút
2.8	Công suất liên tục động cơ	26.3 kWm ở vòng tua 1500 vòng/phút
2.9	Công suất dự phòng động cơ	28.9 kWm ở vòng tua 1500 vòng/phút
2.10	Số xy lanh, kiểu bố trí	4 xy lanh thẳng hàng
2.11	Dung tích xy lanh	3.318L
2.12	Đường kính xilanh	98 mm
2.13	Hành trình của xilanh	110 mm
2.14	Tỉ số nén	22.6 : 1
2.15	Kiểu điều tốc	Cơ khí
2.16	Dung tích dầu bôi trơn	13.2L (đã bao gồm cả lọc dầu)
2.17	Hệ thống bôi trơn	Bơm nhớt, bôi trơn cưỡng bức
2.18	Hệ thống lọc nhiên liệu, dầu bôi trơn	+ Phin lọc dầu bôi trơn + Phin lọc nhiên liệu. Màng lọc nhiên liệu tinh và thô + Có ruột thay lắp thuận tiện cho việc sửa chữa, thay thế bảo dưỡng
2.19	Hệ thống làm mát	Két nước, kết hợp với quạt gió đầu trực
2.20	Hệ thống cảm biến động cơ	+ Cảm biến áp suất dầu bôi trơn + Cảm biến nhiệt độ nước + Cảm biến mức nhiên liệu
2.21	Nguồn ắc quy	12VDC
2.22	Củ phát xạc ắc quy	12V-45A
2.23	Hệ thống khởi động	Motor khởi động điện DC, trực tiếp trong máy, có sạc ắc quy khi chạy

Kubota



III	ĐẦU PHÁT ĐIỆN	
3.1	Nhãn hiệu đầu phát	Leroy-Somer (Pháp)
3.2	Xuất xứ	Trung Quốc
3.3	Năm sản xuất	2024 trở về sau, Mới 100% chưa qua sử dụng
3.4	Model	TAL-A42-E (Ký hiệu đầy đủ TAL-A42-E J6 S/4)

3.5	Tình trạng	Mới 100% chưa qua sử dụng
3.6	Chủng loại	Kích từ tự động, không chổi than, kín không bị thấm nước, 3 pha, 4 dây
3.7	Kết cấu	Một ổ trục, tự bôi trơn
3.8	Tốc độ vòng quay	1.500 vòng/phút
3.9	Tần số	50 Hz
3.10	Hệ số công suất	$\cos\phi = 0,8$
3.11	Số pha, số dây	03 pha, 04 dây
3.12	Điện áp ra	380 V
3.13	Công suất liên tục đầu phát	36 KVA
3.14	Bộ điều chỉnh điện áp	Tự động điều chỉnh bằng bộ AVR, cho phép hoạt động ở nhiều mức tải
3.15	Dao động điện áp	$\leq 1\%$ (điều kiện tốc độ thay đổi từ -2% đến +5%, hệ số công suất từ 0,8 đến 1)
3.16	Cho phép chạy quá công suất	Cho phép chạy 110% công suất trong 1 giờ/12 giờ chạy máy liên tục
3.17	Cấp cách điện/Nhiệt	Cấp H/H
3.18	Cấp bảo vệ	IP23
3.19	Hệ thống làm mát	Cánh quạt đầu trục thổi trực tiếp

LEROY-SOMERTM



IV BỘ ĐIỀU KHIỂN		
4.1	Hãng sản xuất/Nhãn hiệu	MEBAY
4.2	Mã hiệu	DC42SR
4.3	Xuất xứ	Trung Quốc
4.4	Năm sản xuất	2024 trở về sau
4.5	Thông tin chung	Bộ điều khiển được gắn trực tiếp trên máy phát điện, bố trí panel điều khiển vị trí thuận tiện thao tác, dễ dàng giám sát điều khiển.
		Màn hình hiển thị là màn hình tinh thể lỏng (LCD).
		Dùng công nghệ vi xử lý, lập trình theo yêu cầu sử dụng, có nút dừng khẩn cấp lắp bên ngoài, dễ dàng thao tác.
		Các nút ấn điều khiển: Khởi động bằng tay (RUN/START), dừng máy bằng tay (OFF), chạy chế độ tự động (AUTO) và nút dừng máy khẩn cấp.
		Ngôn ngữ hiển thị trên màn hình là ngôn ngữ tiếng Việt (hoặc tiếng Anh)
		Cài đặt cấu hình thông qua các phím trên bộ điều khiển.
		Cài đặt các bộ định thời gian và cảnh báo; chỉ thị cảnh báo bằng đèn LED và trên màn hình LCD.
		Máy phát có thể chuyển sang chế độ khởi động bằng tay (ổ khóa đề) trong trường hợp khẩn cấp (trường hợp bộ điều khiển LCD bị sự cố).

		Máy có khả năng vận hành theo thời gian biểu cài đặt trước, 4 lần/ngày và 7 ngày/tuần.
		Máy tự khởi động khi có tín hiệu báo dòng điện tổ ắc quy của trạm BTS thấp.
		Lưu thời gian thực, và yêu cầu mật mã khi thay đổi cài đặt.
		≥ 5000 systems log
4.6	Chức năng hiển thị	Điện áp máy phát điện, dòng cấp tải máy phát điện.
		Tần số máy phát điện Hz.
		Điện áp ắc quy.
		Nhiệt độ nước làm mát.
		Áp suất dầu bôi trơn.
		Mức nhiên liệu trong thùng %.
		Số giờ cộng dồn máy phát điện hoạt động.
		Báo lỗi máy phát.
4.7	Chức năng cảnh báo (warning) khi xảy ra sự cố	Điện áp đầu ra cao/thấp hơn ngưỡng cho phép
		Tần số dòng điện đầu ra cao/thấp hơn ngưỡng cho phép
		Nhiệt độ nước làm mát cao hoặc nhiệt độ động cơ cao
		Áp suất dầu bôi trơn thấp hơn ngưỡng cho phép
		Quá tải
		Mức nhiên liệu thấp hơn ngưỡng cho phép (ngưỡng có thể thay đổi được)
		Bộ sạc hỏng
		Nhấn nút dừng khẩn cấp
4.8	Chức năng Bảo vệ tắt máy (alarm) khi xảy ra sự cố	Điện áp đầu ra cao/thấp hơn ngưỡng cho phép (thay đổi được trên bộ điều khiển)
		Tần số dòng điện đầu ra cao/thấp hơn ngưỡng cho phép (thay đổi được trên bộ điều khiển)
		Nhiệt độ nước làm mát cao hoặc nhiệt độ động cơ cao (mặc định của nhà sản xuất)
		Áp suất dầu bôi trơn thấp hơn ngưỡng cho phép (mặc định của nhà sản xuất)
		Quá tải (mặc định của nhà sản xuất)
		Mức nhiên liệu thấp hơn ngưỡng cho phép (thay đổi được trên bộ điều khiển)
		Tác động nút dừng khẩn cấp
4.9	Chức năng cài đặt bộ điều khiển	Cài đặt cấu hình thông qua các phím trên bộ điều khiển.
		Bộ điều khiển có chức năng cài đặt các bộ định thời gian.
		Cài đặt tự động hẹn chế độ bảo hành, bảo trì theo ngày tháng hoặc số giờ chạy máy.
		Cài đặt số lần khởi động.
		Hiển thị đầy đủ số giờ vận hành của máy và lưu thời gian, ngày tháng hoạt động chính xác.
		Cài đặt được thời gian trễ khởi động máy phát điện (không khởi động máy phát điện ngay sau khi mất điện lưới hoặc điện lưới không ổn định): ít nhất từ 0,5 phút đến 10 phút (thời gian điều chỉnh được).
		Cài đặt được thời gian trễ đóng điện máy phát sang điện lưới ít nhất từ 0,5 phút đến 5 phút (thời gian điều chỉnh được).

		Cài đặt được thời gian trễ đóng điện lưới sang điện máy phát ít nhất từ 0,5 phút đến 10 phút (thời gian điều chỉnh được).
		Cài đặt chạy làm mát máy sau khi ngắt tải từ 0,5 phút tới 01 giờ.
4.10	Chức năng điều khiển	Điều khiển chế độ tự động. Điều khiển chế độ nhân công. Điều khiển van nhiên liệu. Điều khiển khởi động động cơ. Điều khiển chạy làm mát động cơ. Điều khiển công tắc chuyển mạch ATS. Khi điện lưới không đạt chất lượng về điện áp, tần số hoặc mất pha thì bộ điều khiển sẽ phát tín hiệu khởi động động cơ sau đó chuyển qua điện máy phát, khi điện lưới đảm bảo chất lượng thì sẽ chuyển sang lại điện lưới.
4.11	Chức năng mở rộng	Bộ điều khiển có giao diện kết nối máy tính thông qua cổng kết nối USB và RS-485 Kết hợp phần mềm điều khiển máy phát điện và lập trình trên máy vi tính.

MCBAY 铭贝®



V	BỘ TỰ ĐỘNG CHUYỂN NGUỒN ATS	
5.1	Nhãn hiệu	GenParts
5.2	Mã hiệu	VAS-100A-4P
5.3	Xuất xứ	Việt Nam
5.4	Năm sản xuất	2025
5.5	Chức năng	Dòng điện định mức: 100A-3 Pha 4 cực Aisikai Tự động điều khiển khởi động máy phát khi điện lưới có sự cố. Tự động chuyển tải từ điện lưới sang tải máy phát và ngược lại khi mất/có điện. Công tắc lựa chọn chế độ: Auto/Gen/Man. Đèn báo chế độ hoạt động. Các thông số có thể điều chỉnh bởi người sử dụng hoặc trên bộ điều khiển: Thời gian chờ điện lưới ổn định, thời gian đóng điện lưới, thời gian đóng máy phát điện, thời gian làm nguội máy.
VI	CÁC YÊU CẦU KHÁC	
6.1	Bộ lọc nhiên liệu	Tháo lắp được, thuận tiện cho việc thay thế bảo dưỡng.
6.2	Hệ thống làm mát bằng nước	Nguyên thủy theo máy.
6.3	Hệ thống xả giảm thanh	Hệ thống xả bao gồm xả tiêu âm công nghiệp, khớp nối mềm và các linh kiện phụ tùng cần thiết khác.

6.4	Bình ắc quy đề máy, dây nối và đầu cọc đầy đủ	Kèm theo máy
6.5	Bộ sạc ắc quy tự động	Nhà sản xuất: Chongqing Mebay Technology Co.,Ltd Nhân hiệu: Mebay Mã hiệu: BCC6B MK2 Xuất xứ: Trung Quốc Dải điện áp hoạt động đầu vào: Sử dụng nguồn đầu vào AC: 95V ÷ 280V Hiệu suất tối đa: > 85% Chế độ nạp: Tối thiểu 2 chế độ: Nạp ổn dòng (Boost) và nạp ổn áp (Float) Điện áp đầu ra định mức: 12VDC Dòng điện đầu ra tối đa 6A Hiện thị trạng thái làm việc và cảnh báo: LED Bảo vệ đầu vào: Bảo vệ quá áp đầu vào không hỏng hóc thiết bị. Bảo vệ đầu ra: Bảo vệ ngược cực, quá tải, ngắn mạch ở phía đầu ra mà không bị hư hỏng Nhiệt độ hoạt động: -30÷ 55°C Độ ẩm hoạt động: 0÷95%RH (Không ngưng tụ) Phụ kiện lắp đặt: Bộ nạp bù lắp đặt đồng bộ bên trong máy phát điện với đầy đủ phụ kiện.
6.6	Bộ cao su chống rung	Nguyên thủy theo máy.
6.7	Các vật tư phụ trợ phục vụ lắp đặt	Cung cấp đầy đủ các vật tư phụ trợ (dây đất, dây nguồn, dây tín hiệu, cọc đất, ống/nẹp nhựa, ...) phục vụ lắp đặt, đấu nối hoàn chỉnh máy phát điện vào hệ thống điện AC hiện hữu.
6.8	Tiết diện dây cáp điện tiếp đất	16 mm ²
6.9	Tiết diện dây cáp điện nguồn	35 mm ²
6.10	Tài liệu kỹ thuật có đầy đủ và rõ ràng	Catalog, tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng máy (mỗi máy 1 bộ).

GenParts là một thương hiệu máy phát điện uy tín và chất lượng.

GenParts bảo lưu quyền cải tiến bất kỳ đặc điểm của thiết bị của họ mà không cần báo trước.